

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hướng Dương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Trương Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Ngọc Minh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Thiện Hưng	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tấn Phi Khanh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Lụa	Ủy viên Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2015)
Ông Đặng Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hướng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN

Số: 15.108/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD**AUDIT | TAX | CONSULTING**

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

KIỂM TOÁN

D.T.L

LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỖNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		648.152.869.764	739.850.910.313
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	72.748.333.930	100.888.862.168
1. Tiền	111		22.748.333.930	38.888.862.168
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	62.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.018.015.133	191.981.476.093
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	74.211.699.234	49.349.661.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	102.900.924.414	154.504.191.974
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.785.391.485	2.652.622.422
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18.880.000.000)	(14.525.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	(5.5)	411.574.967.121	443.491.263.630
1. Hàng tồn kho	141		413.574.967.121	456.095.263.630
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.000.000.000)	(12.604.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.811.553.580	3.489.308.422
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	524.971.691	693.486.281
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.284.222.134	1.715.509.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.13)	2.002.359.755	1.080.312.350
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267.440.062.007	259.587.065.759
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		16.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		25.987.321.980	27.300.185.092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	20.791.432.922	22.018.699.434
+ Nguyên giá	222		37.660.491.170	36.504.237.317
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.869.058.248)	(14.485.537.883)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	5.195.889.058	5.281.485.658
+ Nguyên giá	228		5.367.082.258	5.367.082.258
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.193.200)	(85.596.600)
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.8)	154.130.889.179	164.013.554.664
+ Nguyên giá	231		188.698.523.595	188.503.783.595
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		(34.567.634.416)	(24.490.228.931)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		54.224.092.220	33.342.689.982
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.9)	54.224.092.220	33.342.689.982
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	21.610.053.375	23.748.781.609
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.600.000.000	2.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.100.000.000	14.275.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.840.000.000	8.340.615.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.929.946.625)	(1.466.833.891)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.471.705.253	11.171.854.412
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	11.471.705.253	11.171.854.412
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		915.592.931.771	999.437.976.072

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		489.419.934.665	583.447.539.696
I. Nợ ngắn hạn	310		482.528.934.665	561.398.698.801
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	12.316.115.042	21.603.009.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.321.440.718	905.524.660
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	11.403.694.555	15.493.027.876
4. Phải trả người lao động	314			8.780.816.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.713.294.160	3.118.380.593
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.14)	180.619.596	665.782.854
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	415.791.328.165	467.712.074.190
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	(5.15)	13.736.716.806	17.916.760.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.16)	26.065.725.623	25.203.322.623
II. Nợ dài hạn	330		6.891.000.000	22.048.840.895
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.14)	6.891.000.000	5.701.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.11)		16.347.340.895
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		426.172.997.106	415.990.436.376
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	426.172.997.106	415.990.436.376
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	225.000.000.000	224.999.770.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	224.999.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.742.000.000	49.742.230.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.624.824.222	83.736.612.322
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.131.043.100	1.995.543.100
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.675.129.784	55.516.280.954
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		8.280.058.050	7.790.242.418
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.395.071.734	47.726.038.536
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		915.592.931.771	999.437.976.072

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THỊ ANH THƯ



TRẦN THỊ LỤA



NGUYỄN XUÂN HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.424.647.736.082	1.643.217.841.158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		39.966.541	8.838.192
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.424.607.769.541	1.643.209.002.966
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.242.690.020.968	1.440.272.531.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		181.917.748.573	202.936.471.834
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	15.055.567.901	6.742.826.153
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	44.034.055.389	19.875.543.721
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		13.811.658.218	15.338.811.717
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	40.886.238.759	49.721.071.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	32.823.144.567	45.187.906.426
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		79.229.877.759	94.894.776.545
11. Thu nhập khác	31		3.311.353.846	2.355.780.729
12. Chi phí khác	32		1.057.106.266	1.677.080.122
13. Lợi nhuận khác	40		2.254.247.580	678.700.607
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.484.125.339	95.573.477.152
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	16.095.038.605	20.847.466.216
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.389.086.734	74.726.010.936

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

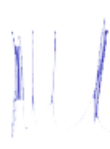
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THỊ ANH THƯ



TRẦN THỊ LỤA



NGUYỄN XUÂN HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		81.484.125.339	95.573.477.152
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.546.522.450	12.550.622.704
Các khoản dự phòng	03		(2.965.930.460)	4.661.833.891
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.105.520.694	(297.331.356)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.969.621.424)	(4.149.653.075)
Chi phí lãi vay	06		13.811.658.218	15.338.811.717
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		102.012.274.817	123.677.761.033
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.142.980.936	(71.370.517.800)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		42.520.296.509	(116.192.019.685)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.759.303.254)	(9.213.795.162)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(131.336.251)	(351.758.962)
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.667.256.707)	(16.104.136.173)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.295.495.620)	(25.512.646.876)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.715.000	12.636.608.591
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.336.827.000)	(8.317.959.198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		106.526.048.430	(110.748.464.232)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.923.591.912)	(4.482.971.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.090.909	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.825.000.000)	(11.425.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.752.196.000	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.711.950.015	4.085.537.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.278.354.988)	(10.822.433.943)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	895.980.113.750	1.273.453.843.775
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(966.373.640.350)	(1.113.780.176.882)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.999.981.600)	(41.999.972.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(115.393.508.200)	117.673.694.493
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(28.145.814.758)	(3.897.203.682)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (50 = 20+30+40)	60		100.888.862.168	104.786.065.850
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.286.520	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	(5.1)	72.748.333.930	100.888.862.168

NGƯỜI LẬP BIỂU



BÙI THỊ ANH THƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ LỤA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Cổ đông sáng lập	90.619.460.000	40,28%	90.413.210.000	40,18%
Cổ đông khác	134.380.540.000	59,72%	134.586.560.000	59,82%
Cộng	<u>225.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>224.999.770.000</u>	<u>100,00%</u>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 144 (31/12/2014: 149).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, bán buôn, bán lẻ sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng.
- Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV KS Hoa Mai Vàng	75 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết:				
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Số 91 Nguyễn Du, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Lầu 7, Tòa nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Số 93 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Lầu 5, Tòa nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	52,62%
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Số 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Lô A, Số 10A, Đường số 01, KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	46,15%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh tại Bình Dương	Lô B11, ô1,2,3, Đường D1, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Câu lạc bộ Ngôi Sao	17 Lô C11 Phn Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử	7 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Gia Lai	1028 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Cửa hàng điện tử	131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Hiệp Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận	Lô A.10a Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bình Tây.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.24.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Hàng hóa, thành phẩm được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 34 đến 39 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |

4.10. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 69 Hoàng Văn Thụ, P15, Q. Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.11. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.12. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
▪ Quyền sử dụng đất	46 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.15. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

4.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.18. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.21. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí bán hàng trong kỳ là khoản hoàn nhập số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa chưa sử dụng hết của kỳ trước.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi, hoàn nhập dự phòng phải trả và dự phòng phải trả khác chưa sử dụng hết của kỳ trước.

4.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu nông sản 0%
- Bán hàng hóa nông sản trong nước: không tính thuế, 5% và 10%
- Dịch vụ cho thuê 10%
- Các hàng hóa và dịch vụ khác 5% và 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.24. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm (Được báo cáo lại)	Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	2.652.622.422	2.512.622.422
Tài sản ngắn hạn khác	-	140.000.000
Phải thu dài hạn khác	10.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	10.000.000
Phải trả người lao động	8.780.816.131	14.080.816.131
Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	12.082.061
Phải trả ngắn hạn khác	665.782.854	653.700.793
Dự phòng phải trả ngắn hạn	17.916.760.000	12.616.760.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	25.694.655.095
Quỹ đầu tư phát triển	83.736.612.322	58.041.957.227

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ, ký cược dài hạn	Phải thu dài hạn khác	Tài sản dài hạn khác
Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	780.083.056	319.264.873
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.968.250.874	38.569.597.295
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	62.000.000.000
Cộng	72.748.333.930	100.888.862.168

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 – 2 tháng và có lãi suất 4,5%/tháng. Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con:							
Công ty TNHH MTV KS Hoa Mai Vàng	2.600.000.000	(354.714.026)	2.245.285.974	2.600.000.000	(412.109.391)	2.187.890.609	
Cộng	2.600.000.000	(354.714.026)	2.245.285.974	2.600.000.000	(412.109.391)	2.187.890.609	
Đầu tư vào công ty liên kết:							
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	2.025.000.000	(968.988.831)	1.056.011.169	1.800.000.000	-	1.800.000.000	
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	1.575.000.000	(1.095.763.773)	479.236.227	975.000.000	-	975.000.000	
Công ty TNHH XNK Nông sản Phú Long	10.000.000.000	-	10.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	
Cộng	21.100.000.000	(5.064.752.604)	16.035.247.396	14.275.000.000	-	14.275.000.000	
Đầu tư vào đơn vị khác:							
Công ty CP Alo360.com	6.000.000.000	(3.510.479.995)	2.489.520.005	3.000.000.000	-	3.000.000.000	
Công ty CP Dịch vụ và xúc tiến Thương mại	840.000.000	-	840.000.000	840.000.000	-	840.000.000	
Ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam	-	-	-	4.500.615.500	(1.054.724.500)	3.445.891.000	
Cộng	6.840.000.000	(3.510.479.995)	3.329.520.005	8.340.615.500	(1.054.724.500)	7.285.891.000	
Tổng cộng	30.540.000.000	(8.929.946.625)	21.610.053.375	25.215.615.500	(1.466.833.891)	23.748.781.609	

19/11/2024
VND
17/11/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	44.388.397.570	7.644.762.400
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Trung	6.660.001.000	9.062.277.598
Chi Commodities Handlers Inc	-	7.361.739.000
Các khách hàng khác	23.163.300.664	25.280.882.699
Cộng	<u>74.211.699.234</u>	<u>49.349.661.697</u>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8.

Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	44.388.397.570	7.644.762.400
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	2.092.062.520	-
Cộng	<u>46.480.460.090</u>	<u>7.644.762.400</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty và được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH XNK Nông Sản Phú Long	35.582.867.427	-
Công ty TNHH Thuận Kiều	29.050.690.446	29.050.690.446
Công ty CP Khâm Vĩnh Hưng	12.543.830.000	5.657.177.240
Công ty CP Nhật Huy	1.139.674.250	63.721.385.535
Cty TNHH TM DV XNK Cà Phê Phúc An Khang	44.416.522	20.263.319.900
Các nhà cung cấp khác	24.539.445.769	35.811.618.853
Cộng	<u>102.900.924.414</u>	<u>154.504.191.974</u>

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8.

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	35.582.867.427	-
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	2.693.550.400	3.686.878.000
Cộng	<u>38.276.417.827</u>	<u>3.686.878.000</u>

Khoản ứng trước tiền mua nông sản cho Thuận Kiều đã quá hạn thanh toán và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp. Hiện nay, khoản nợ này đang được Công ty và Công ty TNHH Thuận Kiều hòa giải tại trung tâm trọng tài thương mại TP. Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã lập dự phòng cho khoản ứng trước nêu trên với số tiền là 18.880 triệu đồng (tương ứng với tỷ lệ là 65% tổng giá trị công nợ).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.5. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng mua đang đi đường	5.385.944.688	-	14.897.362.254	-	
Nguyên liệu, vật liệu	109.417.457.099	-	109.704.036.237	(2.541.000.000)	
Công cụ, dụng cụ	1.306.761.248	-	1.185.090.000	-	
Thành phẩm	5.438.483.693	-	2.492.167.926	-	
Hàng hóa	218.158.298.893	(2.000.000.000)	234.318.590.083	(10.063.000.000)	
Hàng hóa bất động sản	73.868.021.500	-	73.868.021.500	-	
Hàng gửi bán	-	-	19.629.995.630	-	
Cộng	413.574.967.121	(2.000.000.000)	456.095.263.630	(12.604.000.000)	

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 10.604.000.000 đồng do giá bán sản phẩm tăng.

Giá trị hàng hóa bất động sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng với số tiền là 67.451.870.000 đồng – Xem thêm mục 5.11.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng	VND
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	21.093.100.184	6.400.111.863	9.011.025.270	36.504.237.317	
Mua trong năm	-	371.697.400	617.956.363	989.653.763	
Tăng khác	-	201.691.000	-	201.691.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.090.910)	-	(35.090.910)	
Số dư cuối năm	21.093.100.184	6.938.409.353	9.628.981.633	37.660.491.170	
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	4.881.311.041	5.093.538.945	4.510.687.897	14.485.537.883	
Khấu hao trong năm	1.000.258.004	645.803.946	772.549.325	2.418.611.275	
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.090.910)	-	(35.090.910)	
Số dư cuối năm	5.881.569.045	5.704.251.981	5.283.237.222	16.869.058.248	
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	16.211.789.143	1.306.572.918	4.500.337.373	22.018.699.434	
Tại ngày cuối năm	15.211.531.139	1.234.157.372	4.345.744.411	20.791.432.922	

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.199.390.245 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

				VND
Quyền sử dụng đất	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	5.367.082.258	-	-	5.367.082.258
Giá trị hao mòn lũy kế	(85.596.600)	(85.596.600)		(171.193.200)
Giá trị còn lại	5.281.485.658			5.195.889.058

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

				VND
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	26.145.204.255	136.464.579.340	25.894.000.000	188.503.783.595
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	194.740.000	-	194.740.000
Số dư cuối năm	26.145.204.255	136.659.319.340	25.894.000.000	188.698.523.595
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	274.276.393	12.366.435.510	11.849.517.028	24.490.228.931
Tăng trong năm	274.276.393	5.196.295.755	4.606.833.337	10.077.405.485
Số dư cuối năm	548.552.786	17.562.731.265	16.456.350.365	34.567.634.416
Giá trị còn lại:				
Tại ngày đầu năm	25.870.927.862	124.098.143.830	14.044.482.972	164.013.554.664
Tại ngày cuối năm	25.596.651.469	119.096.588.075	9.437.649.635	154.130.889.179

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 43.830.295.386 VND – Xem thêm mục 5.11.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 1.205.574.965 VND.

Tại ngày 31/12/2015, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Hiệp Phước 2	33.102.916.991	31.860.531.336
Công trình Khu Công nghiệp Đất Cuốc	19.193.612.342	292.272.726
Các công trình khác	1.927.562.887	1.189.885.920
Tổng cộng	54.224.092.220	33.342.689.982

Trong đó, giá trị Công trình Hiệp Phước 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.10. Chi phí trả trước

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước về phí bảo hiểm	47.674.396	260.042.420
Công cụ dụng cụ xuất dùng	208.480.295	426.662.042
Các khoản khác	268.817.000	6.781.819
Cộng	524.971.691	693.486.281
Dài hạn:		
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2	5.901.207.407	6.078.747.044
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cước	4.973.107.368	4.973.107.368
Các khoản khác	597.390.478	120.000.000
Cộng	11.471.705.253	11.171.854.412

Trong đó, giá trị tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2 dùng đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.11.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Tây	278.038.728.110	278.038.728.110	591.493.046.317	629.576.222.022	316.121.903.815	316.121.903.815	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Nhuận	137.752.600.055	137.752.600.055	306.612.507.113	320.450.077.433	151.590.170.375	151.590.170.375	
Cộng	415.791.328.165	415.791.328.165	898.105.553.430	950.026.299.455	467.712.074.190	467.712.074.190	
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Tây	-	-	-	16.347.340.895	16.347.340.895	16.347.340.895	
Cộng	-	-	-	16.347.340.895	16.347.340.895	16.347.340.895	
Tổng Cộng	415.791.328.165	415.791.328.165	898.105.553.430	966.373.640.350	484.059.415.085	484.059.415.085	

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất 5,6%/năm - 6,70%/năm đối với VND và 2,8%/năm - 3,0%/năm đối với USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm mục 5.1.
- Các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế - Xem thêm mục 5.3.
- Giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại 108 Lê Lợi, Phường 04, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh - Xem thêm mục 5.5.
- Các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án Hiệp Phước 1, Hiệp Phước 2 – Xem thêm mục 5.8, mục 5.9 và mục 5.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Doanh Nghiệp Tư Nhân Hà Gia Mẫn	7.210.183.973	7.210.183.973	-	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp - Descon	1.521.708.459	1.521.708.459	2.144.401.171	2.144.401.171	
Victory Top International Ltd	1.493.076.000	1.493.076.000	2.179.740.000	2.179.740.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông Sản Phú Long	-	-	2.784.496.350	2.784.496.350	
Phải trả cho các đối tượng khác	2.091.146.610	2.091.146.610	14.494.372.353	14.494.372.353	
Cộng	<u>12.316.115.042</u>	<u>12.316.115.042</u>	<u>21.603.009.874</u>	<u>21.603.009.874</u>	
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8.					
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	-	-	2.784.496.350	2.784.496.350	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm		VND
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	302.727.078	-	105.907.216.560	105.907.216.560	302.727.078	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	293.832.180	4.214.441.457	5.852.732.953	1.344.459.316	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.077.261.005	16.143.068.009	20.295.495.620	-	9.924.833.394	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.121.934.691	4.865.636.553	4.838.765.462	-	1.148.805.782	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	422.026.855	-	4.004.013.475	3.251.931.241	-	330.055.379	-
Các loại thuế khác	355.558.417	-	40.480.887	40.095.831	355.173.361	-	-
Cộng	1.080.312.350	15.493.027.876	135.174.856.941	140.186.237.667	2.002.359.755	11.403.694.555	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.14. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Bảo hiểm xã hội	16.147.710	52.092.583
Các khoản phải trả, phải nộp khác	164.471.886	613.690.271
Cộng	<u>180.619.596</u>	<u>665.782.854</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.891.000.000	5.701.500.000
Cộng	<u>6.891.000.000</u>	<u>5.701.500.000</u>

5.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm	8.736.716.806	12.616.760.000
Dự phòng quỹ tiền lương	5.000.000.000	5.300.000.000
Số dư cuối năm	<u>13.736.716.806</u>	<u>17.916.760.000</u>

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	25.203.322.623	20.827.801.321
Trích lập trong năm	6.300.000.000	8.500.000.000
Tăng khác	34.730.000	94.320.000
Sử dụng trong năm	(5.472.327.000)	(4.218.798.698)
Số dư cuối năm	<u>26.065.725.623</u>	<u>25.203.322.623</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	124.742.000.000	58.577.721.734	2.526.353.100	43.982.101.933	379.828.176.767	
Tăng vốn trong năm trước	74.999.770.000	-	-	-	-	74.999.770.000	
Tăng khác			11.973.288.591	-	7.559.292.982	19.532.581.573	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	74.726.010.936	74.726.010.936	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(41.999.972.400)	(41.999.972.400)	
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	13.251.152.497	3.000.000.000	(16.251.152.497)	-	
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.500.000.000)	(8.500.000.000)	
Sử dụng quỹ	-	-	(65.550.500)	(3.530.810.000)	-	(3.596.360.500)	
Giảm khác	-	(74.999.770.000)	-	-	-	(74.999.770.000)	
Số dư đầu năm nay	224.999.770.000	49.742.230.000	83.736.612.322	1.995.543.100	55.516.280.954	415.990.436.376	
Tăng vốn năm nay	230.000	-	-	-	-	230.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	65.389.086.734	65.389.086.734	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(44.999.981.600)	(44.999.981.600)	
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	16.888.211.900	3.000.000.000	(19.888.211.900)	-	
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)	
Sử dụng quỹ	-	-	-	(864.500.000)	-	(864.500.000)	
Giảm khác	-	(230.000)	-	-	(42.044.404)	(42.274.404)	
Số dư cuối năm nay	225.000.000.000	49.742.000.000	100.624.824.222	4.131.043.100	46.675.129.784	426.172.997.106	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	90.619.460.0000	90.413.210.000
Cổ đông khác	134.380.540.000	134.586.560.000
Cộng	<u>225.000.000.000</u>	<u>224.999.770.000</u>

5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	224.999.770.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	230.000	74.999.770.000
Vốn góp cuối năm	225.000.000.000	224.999.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.999.981.600	41.999.972.400

5.17.4. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	22.500.000	22.499.977
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	22.500.000	22.499.977
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	22.500.000	22.499.977

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	160.928,41	807.153,36

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.396.133.264.433	1.621.463.827.477
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.511.171.010	21.751.010.001
Hàng bán bị trả lại	(39.966.541)	(8.838.192)
Doanh thu thuần	<u>1.424.607.769.541</u>	<u>1.643.209.002.966</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8.

Công ty TNHH Quang Điện Xanh	788.010.575	3.039.557.761
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	50.599.262.294	41.005.109.140
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	1.178.832.409	344.710.573
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	15.295.105.148	161.946.528
Công ty CP Điện tử AMTEC	73.983.952.286	6.828.381.188
Cộng	<u>141.845.162.712</u>	<u>51.379.705.190</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.238.896.324.080	1.429.562.561.616
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.397.696.888	12.889.969.516
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.604.000.000)	(2.180.000.000)
Cộng	<u>1.242.690.020.968</u>	<u>1.440.272.531.132</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.664.793.353	2.435.537.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.047.156.662	1.650.000.000
Lãi bán các khoản đầu tư	1.251.580.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.097.717.991	2.359.957.686
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	297.331.356
Lãi chậm thanh toán	4.994.319.395	-
Cộng	<u>15.055.567.901</u>	<u>6.742.826.153</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.811.658.218	15.338.811.717
Chiết khấu thanh toán	146.628.881	138.725.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.507.134.862	2.931.172.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.105.520.694	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	7.463.112.734	1.466.833.891
Cộng	<u>44.034.055.389</u>	<u>19.875.543.721</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.402.130.081	13.111.622.416
Chi phí vật liệu, bao bì	25.215.541	48.775.740
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	724.261.777	549.815.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.230.360	646.360.615
Chi phí bảo hành	2.362.629.361	2.969.923.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.586.676.794	13.441.325.872
Chi phí bằng tiền khác	17.221.094.845	18.953.247.705
Cộng	40.886.238.759	49.721.071.295

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.199.063.803	14.792.445.311
Chi phí vật liệu quản lý	-	4.318.182
Chi phí đồ dùng văn phòng	395.956.913	233.318.554
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.588.705.756	1.477.924.240
Thuế, phí và lệ phí	1.464.778.442	1.910.606.305
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.355.000.000	14.525.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	775.171.608	1.379.865.903
Chi phí bằng tiền khác	14.044.468.045	10.864.427.931
Cộng	32.823.144.567	45.187.906.426

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	455.515.574.674	624.229.933.718
Chi phí nhân công	25.254.976.649	30.741.884.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.086.850.839	10.553.571.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.856.946.885	29.484.263.021
Chi phí dự phòng	6.717.629.361	14.525.000.000
Chi phí khác bằng tiền	35.374.818.624	34.154.608.465
Cộng	545.806.797.032	743.689.261.211

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.095.038.605	20.847.466.216
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	16.095.038.605	20.847.466.216

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	81.484.125.339	95.573.477.152
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	834.812.521	837.732.922
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(9.159.671.474)	(1.650.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	73.159.266.386	94.761.210.074
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	16.095.038.605	20.847.466.216
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.095.038.605	20.847.466.216

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế như:

- Khoản thu nhập từ lợi nhuận được chia.
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.
- Hoàn nhập quỹ lương đã trích và đã loại khi quyết toán thuế những năm trước.
- Các khoản chi phí không có hóa đơn, chứng từ, ...

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	895.980.113.750	1.273.453.843.775

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	966.373.640.350	1.113.780.176.882

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Khách Sạn Hoa Mai Vàng	Công ty con
2. Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Công ty liên kết
6. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Công ty liên kết
7. Công ty Cổ phần Điện Tử Amtec	Công ty liên kết
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 5.3:		
Các công ty liên kết	46.480.460.090	7.644.762.400
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.4:		
Các công ty liên kết	38.276.417.827	3.686.878.000
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty con	902.830.320	637.402.500
Nợ phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.12:		
Các công ty liên kết	-	(2.784.496.350)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Các công ty liên kết	-	(297.579.525)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 6.1:		
Các công ty liên kết	141.845.162.712	51.379.705.190
Mua hàng:		
Công ty con	(1.340.072.544)	(1.354.177.363)
Các công ty liên kết	(455.443.405.721)	(300.785.098.893)
Góp vốn:		
Các công ty liên kết	6.825.000.000	8.425.000.000

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban điều hành được chi tiết như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị	1.068.000.000	1.068.000.000
Tiền lương của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	8.038.978.016	9.341.802.770
Cộng	9.106.978.016	10.409.802.770

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 03 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

BÙI THỊ ANH THƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ LỤA

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN